

Bản án số: **153/2021/KDTM-PT**
Ngày 23/7/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Lê Thúy Linh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/6, 16/7 và 23/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 228/2020/TLPT-KDTM ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2020/ST-KDTM ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 704/2020/QĐ-PT ngày 29/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐ-PT ngày 12/01/2021; Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 228/2021/TB-TA ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty T

Địa chỉ: xã H, huyện P, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Thanh T – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc C – Phó giám đốc; có mặt

-Bị đơn: Công ty C

Địa chỉ: phố H, phường T, quận T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm H - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Gia H – Phó Tổng giám đốc; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đông K, Luật sư của Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt

-Người làm chứng: Ông Lương Mạnh H (nguyên giám đốc Chi nhánh Công ty C), sinh năm 1968. Địa chỉ: tổ X, phường K, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/03/2013, chi nhánh Công ty C với Công ty T đã ký kết hợp đồng kinh tế số 006/HĐKT/13 với nội dung Công ty C đồng ý giao cho Công ty T cung cấp nhân công, vật tư phụ và lắp đặt hoàn thiện tám trần, tám ốp kim loại cho công trình “*Nhà điều hành sản xuất công ty O*” tại địa điểm phường O, thị xã C, Quảng Ninh. Nội dung cung cấp vật tư, phụ tùng nhân công lắp đặt về khối lượng và đơn giá được hai bên thỏa thuận. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 1.170.938.434 đồng. Giá trị đơn hàng theo hợp đồng là tạm tính, giá trị thanh toán căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng tại công trường được hai bên xác nhận. Thời gian, địa điểm và tiến độ thi công được hai bên thỏa thuận cụ thể là 10 tuần và giao hàng tại chân công trình. Việc thanh toán được hai bên thỏa thuận bằng chuyển khoản được chia làm 4 đợt và căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng tại công trình mà hai bên xác nhận.

Ngày 20/4/2013, Công ty C và Công ty T ký kết phụ lục Hợp đồng số 01 về việc gia hạn thanh toán đến ngày 31/12/2014.

Ngày 10/12/2013, hai bên tiến hành nghiệm thu thực tế khối lượng công việc đã hoàn thành tại công trường và kết quả nghiệm thu đúng vật liệu được duyệt theo mẫu, chất lượng đảm bảo, đồng ý đưa vào sử dụng.

Ngày 30/12/2013, hai bên thanh lý hợp đồng số 006/HĐKT/13, theo biên bản thanh lý hợp đồng nêu rõ kết quả thực hiện hợp đồng: Công ty T đã hoàn thành cung cấp khung xương và lắp đặt hoàn thiện cho bên Công ty C sản phẩm tám trần, tám ốp kim loại cho công trình.

Nguyên đơn xác định: Hai bên đã đối chiếu công nợ thực tế và thống nhất số tiền bên Công ty C phải thanh toán cho Công ty T là 1.351.612.225 đồng. Giá trị hợp đồng bên Công ty C đã thanh toán cho Công ty T trong kỳ là 651.281.569 đồng. Số tiền còn lại phải thanh toán là 700.330.569 đồng.

Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Công ty C là đơn vị chủ quản đồng thời cũng là đơn vị quản lý tài chính của bên Công ty C hoàn trả số tiền còn thiếu là: 700.330.569 đồng và khoản lãi phát sinh nhưng không được.

Đề nghị Tòa án buộc Công ty C là đơn vị chủ quản đồng thời cũng là đơn vị quản lý tài chính của Công ty C hoàn trả số tiền còn thiếu là: 700.330.569 đồng và khoản lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất đề nghị tính theo lãi suất tiền gửi Ngân hàng N là ngân hàng mà Công ty T vay, lấy theo ngày làm đơn khởi kiện 28.7.2016 là 6,2%/năm.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C làm chậm tiến độ, Công ty C phải đơn đốc do đó mới có sự chuyển tiền của công ty cho Công ty T (theo đề nghị của Công ty C, công ty vay hộ của xí nghiệp). Việc chênh lệch số lượng và đơn giá giữa công ty và Công ty C chưa được làm rõ. Quá trình thực hiện dự án, Công ty C đã có nhiều dấu hiệu sai phạm như: Tự lập tài khoản (không có ủy quyền) để chủ đầu tư chuyển tiền vào; tự ý rút tiền, chi tiền, chuyển khoản vào tài khoản cá nhân không có liên quan đến công việc, không giải trình những khoản chi tiêu cho công trình; tự ý thanh toán cho nhà thầu phụ, nhà cung cấp khối lượng vật tư, đơn giá vượt so với hợp đồng và quyết toán với chủ đầu tư (có dấu hiệu gửi giá và khối lượng không để rút tiền ra). Công ty đã gửi hồ sơ sang công an để làm rõ, từ đó quy ra trách nhiệm nếu có sai phạm.

Riêng với hạng mục có liên quan đến Công ty T, có 3 đơn vị cùng thực hiện. Chi tiết thực hiện từng hạng mục của từng đơn vị không có. Chứng từ của 3 đơn vị cộng lại vượt giá trị thanh toán so với chủ đầu tư và không xác định được từng đơn vị đã thực hiện khối lượng công việc như thế nào. Khối lượng và đơn giá của 3 đơn vị vượt khoảng 300.000.000 đồng, bao gồm cả thuế. Đến nay, Công ty C chưa làm rõ được phần vượt quá cụ thể như thế nào và thuộc về đơn vị nào nên chưa có cơ sở đồng ý thanh toán cho Công ty T.

Ba đơn vị cùng thực hiện hàng mục này gồm: Công ty H, Công ty T và Công ty T. Và hồ sơ chứng từ của cả 3 đơn vị này đều có chữ ký của ông Trần Quốc C. Với những nhập nhèm đó, Công ty C đã làm đơn tố giác tội phạm đối với ông Lương Mạnh H và ông Trần Quốc C đến Công an thành phố Hà Nội. Hiện nay, Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội đang giải quyết vụ việc

nên đề nghị Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Ông Lương Mạnh H trình bày:

Ngày 15/03/2013, ông được Công ty C ủy quyền ký kết hợp đồng kinh tế số 006/HĐKT/13 với nội dung Công ty C đồng ý giao cho Công ty T cung cấp nhân công, vật tư phụ và lắp đặt hoàn thiện tấm trần, tấm ốp kim loại cho công trình “Nhà điều hành sản xuất công ty O” đúng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Đến nay, công ty đã trả cho Công ty T số tiền là 651.281.569 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C và bản thân ông luôn báo cáo tiến độ thi công công trình cũng như ký kết hợp đồng với các nhà thầu về Công ty C để duyệt trước khi ký kết. Việc thanh toán cho Công ty T đã bị thụ động sau khi Công ty C thu lại tài khoản chuyên thu từ tháng 7 năm 2012 vì tiền hoàn toàn từ chủ đầu tư phải về tài khoản công ty. Do đó việc chi trả, thanh toán cho nhà thầu phụ (Công ty T) là do Công ty C quyết định.

Do Công ty C là công ty chủ quản của xí nghiệp, đồng thời cũng là đơn vị quản lý tài chính của toàn bộ công trình “Nhà điều hành sản xuất công ty O” nên số tiền 651.281.569 đồng mà Công ty C thanh toán cho Công ty T được gửi đi toàn bộ từ số tài khoản của Công ty C. Công ty C là đơn vị quản lý tài chính của toàn bộ công trình, tuy nhiên lại không cung cấp tiền đầy đủ để Công ty C thanh toán nốt nghĩa vụ còn thiếu cho Công ty T, nên số tiền chưa thanh toán được cho Công ty T là 700.330.569 đồng.

Hiện tại, toàn bộ số tiền của công trình đã được nhà đầu tư thanh toán đầy đủ cho Công ty C. Tuy nhiên, công ty lại không chuyển khoản về Công ty C để thanh toán cho các nhà thầu đã thi công công trình theo hợp đồng ký kết.

Vì những lý do trên, ông đề nghị Công ty C phải thanh toán cho Công ty T số tiền còn lại theo hợp đồng. Đến nay ông xác định đã làm đúng, thực hiện đúng nhiệm vụ theo ủy quyền và không còn liên quan gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

-Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn thanh toán số tiền theo hợp đồng xây dựng và 01 phụ lục hợp đồng còn thiếu là: 700.330.569 đồng và khoản lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất đề nghị tính theo lãi suất tiền gửi Ngân hàng N là ngân hàng mà Công ty T vay, lấy theo ngày làm đơn khởi kiện 28.7.2016 là 6,2%/năm.

-Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bị đơn xác định, ngoài việc tranh chấp về vấn đề thanh toán là do

chưa xác định được trách nhiệm làm thất thoát giữa Công ty, Công ty C và ông Lương Mạnh H, giữa hai bên không còn tranh chấp vấn đề nào khác. Công ty C là đơn vị có 36% vốn nhà nước, thuộc đối tượng kiểm toán hàng năm. Tuy nhiên, vì giá trị hợp đồng nhỏ nên việc kiểm toán hàng năm của công ty liên quan đến hợp đồng với Công ty T đã thực hiện xong mặc dù không có kiến nghị sai phạm nhưng thực tế có chênh lệch. Công ty cũng đã có văn bản gửi đến cơ quan an ninh điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, cũng đã được các cơ quan này yêu cầu kiểm toán công trình để có căn cứ xác định sai phạm nhưng do việc kiểm toán đã được thực hiện hàng năm nên Công ty C không làm và đến nay các cơ quan chức năng chưa có quyết định khởi tố vụ án liên quan đến hợp đồng này. Công ty đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ vụ án đến cơ quan điều tra do có dấu hiệu hình sự.

-Ông Lương Mạnh H trình bày: Ông được Công ty C yêu cầu ông chịu trách nhiệm đối với các hợp đồng đã ký kết, thực hiện giữa Xí nghiệp 5 với các nhà thầu phụ của công trình “Nhà điều hành sản xuất công ty O” tại địa điểm phường O, thị xã C, Quảng Ninh. Thời điểm này, ông đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao. Do sau này, Công ty C không thanh toán đầy đủ cho các nhà thầu phụ, có tranh chấp nên Công ty nhiều lần có văn bản gửi đến cơ quan công an quận Thanh Xuân, cơ quan an ninh điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội và các cơ quan này đã mời ông đến giải quyết. Kết quả giải quyết đều thể hiện việc tố cáo không có căn cứ và đến nay chưa có cơ quan nào khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với ông.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 20/2020/ST-KDTM ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 26, 63, 220, 227, 264, 266, 267, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 108, 110, Luật xây dựng năm 2003.

Điều 389, 402 Bộ luật dân sự 2005

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm d mục 1.4 danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng xây dựng của Công ty T đối với Công ty C.

2- Buộc Công ty C phải thanh toán cho Công ty T số tiền còn thiếu phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 006/HĐKT/13 về việc cung cấp nhân công, vật tư phụ và lắp đặt hoàn thiện tấm trần, tấm ốp kim loại cho công trình “Nhà điều hành sản xuất công ty O” tại địa điểm phường O, thị xã C, Quảng Ninh, số tiền gốc là 700.330.569 (bảy trăm triệu ba trăm ba mươi ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng) đồng; lãi chậm trả là: 357.314.492 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu ba trăm mười bốn ngàn bốn trăm chín mươi hai đồng); tổng gốc và lãi là: 1.057.645.061 đồng (một tỷ không trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn không trăm sáu mươi mốt đồng).

3- Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4- Về án phí: Công ty C phải chịu 43.729.352 đồng (bốn mươi ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm năm mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả Công ty T số tiền 18.182.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007928 ngày 28.11.2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

5- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem xét dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự để chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra có thẩm quyền xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung đơn kháng cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về lãi chậm thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty C được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Công ty T với Công ty C phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 006/HĐKT/13 ngày 15/3/2013, được xác lập bởi các chủ thể có đăng ký kinh doanh và có mục đích sinh lợi, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn Công ty C có địa chỉ tại phố H, phường T, quận T, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Lương Mạnh H khi tham gia ký kết hợp đồng với Công ty T, lúc đó làm giám đốc Chi nhánh Công ty C - Công ty C, là một chi nhánh hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty C, trực tiếp ký kết và thanh quyết toán các hợp đồng, nên xác định ông Lương Mạnh H là người làm

chứng trong vụ án. Án sơ thẩm đưa ông Lương Mạnh H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, nên sửa lại.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 15/03/2013, chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Công nghiệp - Công ty C với Công ty T đã ký kết hợp đồng kinh tế số 006/HĐKT/13 với nội dung Công ty C đồng ý giao cho Công ty T cung cấp nhân công, vật tư phụ và lắp đặt hoàn thiện tấm trần, tấm ốp kim loại cho công trình “*Nhà điều hành sản xuất công ty O*” tại địa điểm phường O, thị xã C, Quảng Ninh. Đơn giá được hai bên thỏa thuận cụ thể. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 1.170.938.434 đồng. Giá trị đơn hàng theo hợp đồng là tạm tính, giá trị thanh toán căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng tại công trường được hai bên xác nhận.

Thời gian, địa điểm và tiến độ thi công được hai bên thỏa thuận cụ thể là 10 tuần và giao hàng tại chân công trình. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản được chia làm 4 đợt và căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng tại công trình mà hai bên xác nhận.

Hợp đồng giao kết trên nguyên tắc tự nguyện và bình đẳng, nội dung, mục đích giao kết không trái pháp luật nên hợp đồng được xác định là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Sau khi thực hiện xong hợp đồng, ngày 05/12/2013 hai bên đã lập quyết toán xác nhận giá trị thi công công trình mà Công ty T đã hoàn thành là 1.351.612.225 đồng, Công ty C đã thanh toán một đợt 651.281.656 đồng. Số tiền còn lại phải thanh toán là 700.330.569 đồng. Ngày 30/12/2013 hai bên lập bản thanh lý hợp đồng số 006/TLHĐ/13 xác nhận Công ty T đã hoàn thành cung cấp khung xương và lắp đặt hoàn thiện cho Công ty C sản phẩm tấm trần, tấm ốp kim loại cho công trình O tại địa chỉ phường O, Quảng Ninh. Công ty T đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng. Hai bên đã tiến hành nghiệm thu, bàn giao sản phẩm cho công trình đạt yêu cầu. Giá trị thanh lý hợp đồng: Tổng giá trị thực hiện 1.351.612.225 đồng, Công ty C đã thanh toán cho Công ty T 651.281.656 đồng, Công ty C còn phải thanh toán cho Công ty T 700.330.569 đồng.

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp xác định Chi nhánh Công ty C - Công ty C là một chi nhánh, hạch toán phụ thuộc và hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty C, nên án sơ thẩm buộc Công ty C phải thanh toán số tiền 700.330.569 đồng còn nợ cho Công ty T là có căn cứ.

Về lãi chậm trả: Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 6,2%/năm (là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay thông thường của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam nơi nguyên đơn mở tài khoản - mức thấp nhất của ngân hàng là 6,8%), nhưng án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất: 6,2%/năm x 150% là không đúng, nên sửa lại phần này của án sơ thẩm, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi trên số tiền nợ gốc 700.330.569 đồng tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (01/01/2015) đến ngày xét xử sơ thẩm (25/6/2020) với mức lãi suất 6,2%/năm là: 238.158.442 đồng.

Bị đơn kháng cáo cho rằng các biên bản nghiệm thu, quyết toán, thanh lý hợp đồng không đúng với thực tế khách quan và có sự gian dối trong vấn đề kê không khối lượng, khối lượng thanh quyết toán chông chéo với một số công ty khác cùng tham gia thi công, nhưng không xuất trình được các chứng cứ tài liệu chứng minh. Mặt khác, vấn đề này bị đơn đã gửi đơn tố cáo ra cơ quan công an ngày 16/7/2018. Cơ quan an ninh điều tra đã ra quyết định số 02 tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm. Ngày 05/8/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm số 106/PC03-DD8. Cho đến nay, cơ quan cảnh sát điều tra chưa có bất cứ một quyết định nào khác, nên không đủ cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn về việc này.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm, nên bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 389, 402 Bộ luật Dân sự 2005

Áp dụng Điều 108, Điều 110 Luật xây dựng năm 2003

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2020/ST-KDTM ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng xây dựng của Công ty T đối với Công ty C.

2. Buộc Công ty C phải thanh toán cho Công ty T số tiền còn thiếu phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 006/HĐKT/13 về việc cung cấp nhân công, vật tư phụ và lắp đặt hoàn thiện tấm trần, tấm ốp kim loại cho công trình “Nhà điều hành sản xuất công ty O” tại địa điểm phường O, thị xã C, Quảng Ninh:

Nợ gốc: 700.330.569 đồng;

Nợ lãi: 238.158.442 đồng ;

Tổng là: **938.489.011 đồng.**

3. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4. Về án phí sơ thẩm:

Công ty C phải chịu 40.154.670 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Hoàn trả Công ty T 18.182.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai số AC/2010/0007928 ngày 28/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty C 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số AA/2018/0000368 ngày 15/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận Thanh Xuân, tp Hà Nội;
- TAND quận Thanh Xuân, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn